

LD VIETSOVPETRO  
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 16/01/2018

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1	619	T.UNG	7:25	14	0		14	0	
2	846	PVD2+BK4+TD3	7:25	21+0+1	0+0+0		15+1+6	0+0+0	CHUYEN 2 PAX TU BK4-TD3
3	846	P2+PVD2+P4	9:25	11+11+0	0+0+0		1+9+7	0+0+0	

TPBDSX



# FLIGHT MANIFEST

DATE: 16/01/2018	TO: BK THIEN UNG	AIRCRAFT: 619	ETD: 07:28
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: Lạc - ĐTrung - Phuong	ETA: 13:30
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ ĐĂNG TÂM	BK THIE	10	1	2		65	D-HANH	Vietnamese
2	PHẠM ĐÌNH ĐƠN	BK THIE					59	D-HANH	Vietnamese
3	LÊ HAI QUAN	BK THIE					74	D-HANH	Vietnamese
4	ĐÌNH XUÂN THĂNG	BK THIE					71	D-HANH	Vietnamese
5	NGUYỄN PHƯỚC DÂN	BK THIE					72	D-HANH	Vietnamese
6	TRẦN VĂN THĂNG	BK THIE					64	D-HANH	Vietnamese
7	TRẦN ĐÌNH QUỐC	BK THIE	13	1	2		79	D-HANH	Vietnamese
8	TRẦN TÂN HÒA	BK THIE	11-12	2	7		63	D-HANH	Vietnamese
9	ĐÀO XUÂN THẢO	BK THIE	09	1	2		67	D-HANH	Vietnamese
10	TRẦN THỊ HA	BK THIE					60	D-HANH	Vietnamese
11	KHRENNIKOV YURIY	BK THIE	52	1	3		90	D-HANH	Russian
12	KUDRYA IGOR	BK THIE	53	1	5		100	D-HANH	Russian
13	MAKAROV DMITRIY	BK THIE	08	1	3		70	D-HANH	Russian
14	ORLOV IGOR	BK THIE	07	1	5		95	D-HANH	Russian
15	HOANG VAN VY	BK THIE					82	D-HANH	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK THIEN UNG	15	9	29	1.111	0	15		TAT MAY 3h
	TOTAL	15	9	29	1.111	0	15		
	WEIGHT KG			29	1.111	0			

GRAND TOAL: 1.140 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

fuel: 2100kgs (gross)



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 16/01/2018	TO: PVD2 - BK4 - TD3	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:30
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: ĐTuấn - TRƯỜNG -	ETA: 09:10
CAM-1		DKHÀNH	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN MINH HAI	PVD2	60	1	5		67	KHOAN	Vietnamese
2	MAI DUONG TUNG	PVD2	53	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
3	TRINH VAN DUONG	PVD2	47	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
4	BUI XUAN THEM	PVD2	59	1	5	30	85	KHOAN	Vietnamese
5	PHAM HUU HUAN	PVD2	64	1	7		65	KHOAN	Vietnamese
6	TERRY CLEVELAND	PVD2	45-46	2	17		100	KHOAN	British
7	TRAN VIET ANH	PVD2	62-63	2	17		82	KHOAN	Vietnamese
8	ERWAN TURLIN	PVD2	51-52	2	17		90	KHOAN	French
9	NGUYEN ANH TUAN	PVD2	71	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN DUY THAI	PVD2	55	1	10		63	KHOAN	Vietnamese
11	TRINH VAN BINH	PVD2	66	1	10		67	KHOAN	Vietnamese
12	TRINH QUANG HOA	PVD2	57	1	5		67	KHOAN	Vietnamese
13	TRAN QUANG TAI	PVD2	58	1	5		78	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN HUU THANH	PVD2	56	1	7		60	KHOAN	Vietnamese
15	VU HOANG YEN	PVD2	65	1	5		68	KHOAN	Vietnamese
16	LY ANH TUAN	PVD2	67	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
17	DINH THANH DONG	PVD2	49	1	6		68	KHOAN	Vietnamese
18	DO DANG DUY	PVD2	48	1	9		67	KHOAN	Vietnamese
19	TRAN NGOC THUY	PVD2	50	1	7		73	KHOAN	Vietnamese
20	TRAN HOANG VU	PVD2	54	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
21	DOI DUY DUONG	PVD2	61	1	7		67	KHOAN	Vietnamese
22	TRAN CONG HA	TD3	34-35	2	15		80	KHOAN	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD2	21	24	164	1.514	30	15		CHUYEN 02 PAX TU BK4 SANG TD3
2	BK4	0	0	0	0	30	1 + 2		
3	TD3	1	2	15	80	0	6		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>26</b>	<b>179</b>	<b>1.594</b>	<b>60</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>179</b>	<b>1.594</b>	<b>60</b>			

GRAND TOAL: 1.833 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 16/01/2018	TO: P2 - PVD2 - P4	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:40
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: ĐTuấn - TRƯỜNG -	ETA: 11:20
XANH-2		DKHANH	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN VAN ĐỨC	P2	49	1	12		70	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN TRI PHƯƠNG	P2	45	1	7		65	LILAMA18	Vietnamese
3	NGUYEN VAN DŨNG	P2	48	1	5		58	LILAMA18	Vietnamese
4	CHU VAN THIET	P2	44	1	5	30	65	LILAMA18	Vietnamese
5	NGUYEN HOANG KHANH	P2	47	1	5		70	LILAMA18	Vietnamese
6	NGUYEN NGOC TUAN	P2	46	1	5		60	LILAMA18	Vietnamese
7	VŨ QUANG HẬU	P2	40	1	10		55	LILAMA18	Vietnamese
8	TU ĐANG TUAN	P2	52	1	5		50	LILAMA18	Vietnamese
9	LAI VAN THUAN	P2	43	1	4		60	LILAMA18	Vietnamese
10	PHAM MẠNH HIEN	P2	41-42	2	7		60	LILAMA18	Vietnamese
11	NGUYEN NGOC CHINH	P2	39	1	8		72	LILAMA18	Vietnamese
12	DINH VAN CHAU	PVD2	31	1	8		63	KHOAN	Vietnamese
13	HOANG VAN TRUNG	PVD2	30	1	5		67	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN TRONG BANG	PVD2	27	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
15	NGO QUYNH HAI	PVD2	36-37	2	15		71	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYEN HONG QUANG	PVD2	35	1	10		72	KHOAN	Vietnamese
17	PHAN HUY DAO	PVD2	38-40	3	17		60	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYEN TAN VUONG	PVD2	33	1	10		65	KHOAN	Vietnamese
19	HOANG DUC BANG	PVD2	32	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
20	HOANG XUAN CANH	PVD2	34	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
21	HUYNH XUAN SY	PVD2	29	1	5		70	KHOAN	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	11	12	73	685	30	1		
2	PVD2	10	13	85	663	0	9		
3	P4	0	0	0	0	0	7		
<b>TOTAL</b>		<b>21</b>	<b>25</b>	<b>158</b>	<b>1.348</b>	<b>30</b>	<b>17</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>158</b>	<b>1.348</b>	<b>30</b>			

GRAND TOAL: 1.536 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 17/01/2018

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1	846	VSP01+RC3+RP1	7:25	21+0+1	0+0+0	19+1+0	0+0+0	CHUYỂN 1 PAX TỪ RC3-RP1	
2	427	PPD+BK5+TD1	7:25	5+4+13	0+0+0	1+4+17	0+0+0	CHUYỂN 1 PAX TỪ PPD-BK5	
3	420	BK4+CLO+TD3	7:25	5+17+0	0+0+0	0+22+0	0+0+0	CHUYỂN 5 PAX TỪ BK4- CLO LẤY MẪU CỦA BK8 TỪ TD3	
4	424	TTC2+TTC1+TD1	7:25	12+7+3	0+0+0	6+8+8	0+0+0		
5	424	P6+P5+P3	9:25	22+0+0	0+0+0	20+1+0	0+0+0	CHUYỂN 1 PAX TỪ P5-P3	
6	846	MRM+TTC3	9:25	15+5	0+0	15+5	0+0		
7	427	AMD+CLO+BK16	9:25	19+3+0	0+0+0	15+1+6	0+0+0		
8	420	AMD+VSP01+CTK3	9:25	8+11+3	0+0+0	4+14+4	0+0+0		
9	846	AMD+P8+TTC2	11:25	12+9+1	0+0+0	6+9+7	0+0+0		
10	427	P6+P8+P11	11:25	7+15+0	0+0+0	6+13+3	0+0+0		

TTBDSX



Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.  
1/3 NGƯỜI ĐH ĐI TTC2 VỀ TRONG NGÀY CHUYỂN CƯỚI



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 17/01/2018	TO: VSP01 - RC3 - RP1	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: Vận - CHIẾN - Năm - Huy	ETA: 09:10
Xanh - 1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PASKEVICH	VSP01	17	1	10		95	KH-THAC	Russian
2	VU NGUYEN TRUNG	VSP01					47	KH-THAC	Vietnamese
3	VO VAN SINH	VSP01	03-04	2	15		70	YTE	Vietnamese
4	THAI VAN TUAN	VSP01	19	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
5	BONDAREV D.A.	VSP01	16	1	6		100	KH-THAC	Russian
6	PHAM VAN ĐỨC	VSP01	01	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN BA BANG	VSP01	08	1	7		82	KH-THAC	Vietnamese
8	GURIN	VSP01	15	1	7		95	KH-THAC	Russian
9	NGUYEN NGOC LAN	VSP01					70	KH-THAC	Vietnamese
10	PHAN DUY BINH	VSP01	14	1	5		90	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN ĐỨC THÔNG	VSP01	10-11	2	15		95	KH-THAC	Vietnamese
12	HUYNH TRỌNG KIM	VSP01	13	1	10		75	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN VAN MIT	VSP01	12	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
14	NGO XUAN ĐỨC	VSP01	18	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
15	HUYNH VAN THON	VSP01					76	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN VAN NGHIA	VSP01					70	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN QUANG NAM	VSP01	06-07	2	17		75	KH-THAC	Vietnamese
18	TRAN XUAN THUY	VSP01					85	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN THUONG HAI	VSP01	09	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN BA NGOC	VSP01	05	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN ANH THANG	VSP01	02	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
22	NG. TRONG KHANG	RP1	70	1	10	5	65	KH-THAC	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP01	21	19	125	1.577	0	19		CHUYEN 1 PAX TU RC3 SANG RP1
2	RC3	0	0	0	0	0	1 + 1		
3	RP1	1	1	10	65	5	0		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>20</b>	<b>135</b>	<b>1.642</b>	<b>5</b>	<b>20</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>135</b>	<b>1.642</b>	<b>5</b>			

GRAND TOAL: 1.782 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 17-Jan-18	TO: PPD - BK5 - TD1	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: Hoi - DUONG - Nnam	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN QUANG VINH	PPD	72	1	4	20	92	D-HANH	Vietnamese
2	NHAM ĐIỆN BIÊN	PPD	73	1	5		66	D-HANH	Vietnamese
3	KIREEV	PPD	71	1	5		91	D-HANH	Russian
4	LUONG VIET HOP	PPD	74	1	6		58	D-HANH	Vietnamese
5	TRAN HUY ANH	PPD	70	1	18		92	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYEN VAN TRAN	BK5	01-02	2	18	20	67	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYEN THANH HUNG	BK5	47	1	13		70	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYEN TRAN VINH	BK5	49	1	12		59	XAYLAP	Vietnamese
9	PHAM VAN VUI	BK5	48	1	12		59	XAYLAP	Vietnamese
10	SMAKOV A.A	TD1	59	1	8	55	78	KHOAN	Russian
11	TRAN MANH HUNG	TD1	90	1	6		69	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN DINH NAM	TD1	02	1	3		76	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN TRONG HUNG	TD1	88-89	2	18		78	KHOAN	Vietnamese
14	TRAN THANH TUAT	TD1	91	1	7		52	KHOAN	Vietnamese
15	TRUONG XUAN TRUNG	TD1	60	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
16	NINH ĐUC THUAT	TD1	96	1	7		62	KHOAN	Vietnamese
17	TRAN HUY QUANG	TD1	95	1	6		70	KHOAN	Vietnamese
18	TRAN QUANG LUONG	TD1	94	1	5		86	KHOAN	Vietnamese
19	TRAN MANH TIET	TD1	97	1	5		66	KHOAN	Vietnamese
20	DUONG VAN TUAN	TD1	93	1	5		56	KHOAN	Vietnamese
21	PHAM VAN HOAN	TD1	92	1	9		78	KHOAN	Vietnamese
22	VU QUY VINH	TD1	01	1	4		72	KHOAN	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	5	5	38	399	20	1+		CHUYEN 1 PAX TU PPD SANG BK5
2	BK5	4	5	55	255	20	4		
3	TD1	13	14	88	913	55	17		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>24</b>	<b>181</b>	<b>1.567</b>	<b>95</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>181</b>	<b>1.567</b>	<b>95</b>			

GRAND TOAL: 1.843 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 17/01/2018	TO: BK4 - CLO - TD3	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:40
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: ĐTuấn - MMinh - THU	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN THAI BINH	BK4	42	1	6		70	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYEN THANH TUAN	BK4	43	1	9		72	XAYLAP	Vietnamese
3	TRUONG TAN LOI	BK4	44-45	2	14	40	85	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYEN MANH HIEN	BK4	46	1	10	20	80	XAYLAP	Vietnamese
5	PHAM NGOC DINH	BK4	47	1	11		73	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYEN VAN KHOA	CLO	07	1	2		64	KHOAN	Vietnamese
7	PHAN QUANG HIEN	CLO	16	1	5		63	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYEN MANH HUNG	CLO	11	1	2		80	KHOAN	Vietnamese
9	ĐINH XUAN PHU	CLO	05	1	5		74	KHOAN	Vietnamese
10	BUI XUAN DUY	CLO	17	1	8	22	65	KHOAN	Vietnamese
11	PHUNG BA TUAT	CLO	06	1	3	20	78	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN ĐANG BAO	CLO	12	1	4		61	KHOAN	Vietnamese
13	ĐO TRUONG GIANG	CLO	09	1	10		81	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN CONG BANG	CLO	15	1	5		73	KHOAN	Vietnamese
15	VU VAN ĐANG	CLO	13-14	2	10		65	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYEN SI LONG	CLO	10	1	10		68	KHOAN	Vietnamese
17	TRAN MINH TUAN	CLO	04	1	5		68	KHOAN	Vietnamese
18	TÔ QUANG TUAN	CLO	08	1	6		73	KHOAN	Vietnamese
19	VU MANH HUNG	CLO	18	1	7		71	KHOAN	Vietnamese
20	CU CHI CONG	CLO	02	1	15		64	XAYLAP	Vietnamese
21	TRAN THANH TUNG	CLO	01	1	6		73	XAYLAP	Vietnamese
22	TRAN XUAN TUC	CLO	03	1	14		56	XAYLAP	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK4	5	6	50	380	60	0	5	CHUYEN 5 PAX FROM BK4 SANG CLO
2	CLO	17	18	117	1.177	42	22		
3	TD3	0	0	0	0	0	0		LAY THUNG MAU (CUA BK8) VE VTAU (TD3)
TOTAL		22	24	167	1.557	102	22		
WEIGHT KG				167	1.557	102			

GRAND TOAL: 1.826 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN





# FLIGHT MANIFEST



DATE: 17/01/2018	TO: TTC2 - TTC1 - TD1	AIRCRAFT: 424	ETD: 07:50
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: Bằng - MTHĂNG - dũng - THẢO	ETA: 09:30
TRANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	CHU MINH HUNG	TTC2	15	1	2		75	D-HANH	Vietnamese
2	PHAN NGOC QUYET	TTC2	08	1	10		66	D-HANH	Vietnamese
3	SAVELEV	TTC2	07	1	3		110	D-HANH	Russian
4	LE HAI HOA	TTC2	16	1	4		77	ĐANG KIEM	Vietnamese
5	LE TUAN ANH	TTC2					68	KH-THAC	Vietnamese
6	HOANG VAN THUC	TTC2	06	1	8	30	55	KH-THAC	Vietnamese
7	VO TUAN ANH	TTC2	09	1	2		52	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN TUAN MINH	TTC2	05	1	4		74	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN THANH VINH	TTC2	10	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN DINH TRONG	TTC2	14	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
11	NGO KIM NGHIEM	TTC2	11	1	15		82	CODIEN	Vietnamese
12	NGUYEN QUOC QUAN	TTC2	12-13	2	18		78	CODIEN	Vietnamese
13	TRAN VAN THANH	TTC1	14-15	2	8		65	KH-THAC	Vietnamese
14	TRAN CONG TUYEN	TTC1	20	1	2		74	KH-THAC	Vietnamese
15	PHAM TRUNG THUY	TTC1					70	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN HUY HUNG	TTC1	13	1	8	50	62	KH-THAC	Vietnamese
17	TRAN VAN THUY	TTC1	16	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
18	TRUONG QUANG TUU	TTC1	18-19	2	10		66	T-TIN	Vietnamese
19	DINH VAN GIANG	TTC1	17	1	2		70	GETRACO	Vietnamese
20	NGUYEN HUU HA	TD1	01	1	5		70	DVL	Vietnamese
21	NGUYEN VAN DONG	TD1	02	1	14	30	70	DVL	Vietnamese
22	PHAN THANH TAI	TD1	03-04	2	18		57	DVL	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TTC2	12	12	79	881	30	6		
2	TTC1	7	8	35	467	50	8		
3	TD1	3	4	37	197	30	8		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>24</b>	<b>151</b>	<b>1.545</b>	<b>110</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>151</b>	<b>1.545</b>	<b>110</b>			

GRAND TOAL: 1.806 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 17/01/2018	TO: P6 - P5 - P3	AIRCRAFT: 424	ETD: 09:50
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: Bằng - MTHẮNG - Dũng - THẢO	ETA: 11:30
VANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐINH QUANG TRUNG	P6	17	1	9		74	KH-THAC	Vietnamese
2	TRẦN VINH QUANG	P6	01	1	5		73	YTE	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN TÀI	P6	09	1	7		61	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN QUỐC DOANH	P6	16	1	5		75	PSV	Vietnamese
5	TRẦN VĂN KHƯƠNG	P6	20	1	6	60	72	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN XUÂN CỬ	P6	12	1	4		52	KH-THAC	Vietnamese
7	VŨ ĐỨC HOE	P6	02	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
8	VŨ ĐÌNH SỸ	P6	15	1	8		68	KH-THAC	Vietnamese
9	TIKHONOV A.N	P6	08	1	6		93	KH-THAC	Russian
10	NIKITIN.D.I	P6	11	1	11		90	KH-THAC	Russian
11	PHẠM VĂN ĐOÀ	P6					60	KH-THAC	Vietnamese
12	VŨ THANH ĐO	P6	03	1	7		58	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN THIN	P6	06	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN XUÂN QUANG	P6	05	1	4		67	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN TRỌNG	P6	14	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐÀO KIM SÂM	P6	04	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
17	LAM VĂN KHƯƠNG	P6	10	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
18	ĐO HOÀNG TRỌNG	P6	07	1	5		82	KH-THAC	Vietnamese
19	NGO VĂN SANG	P6	13	1	5		58	KH-THAC	Vietnamese
20	BUI THỨC PHÚC	P6	800	1	8		65	KH-THAC	Vietnamese
21	TRẦN HUY THÔNG	P6	19	1	3		82	KH-THAC	Vietnamese
22	ĐÔNG XUÂN PHÚ	P6	18	1	8		61	KH-THAC	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P6	22	21	126	1.524	60	20		CHUYỂN 1 PAX TỪ P5 SANG P3
2	P5	0	0	0	0	20	1	1	
3	P3	0	0	0	0	0	0		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>21</b>	<b>126</b>	<b>1.524</b>	<b>80</b>	<b>21</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>126</b>	<b>1.524</b>	<b>80</b>			

GRAND TOAL: 1.730 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 17/01/2018	TO: MRM - TTC3	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:30
FLIGHT: 6	FROM: VT	CREW: Vận - CHIÊN - Năm - Huy	ETA: 11:10
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	POLYAKOV IVAN	MRM	10	1	5		82	KHOAN	Russian
2	PETRUNKO IVAN	MRM	01	1	11		105	KHOAN	Russian
3	KIMAKOVSKII MAKSIM	MRM	03	1	5		75	KHOAN	Russian
4	SALOMATIN SERGEI	MRM	07	1	10		83	KHOAN	Russian
5	SHEVELEV ALEKSEI	MRM	06	1	5		132	KHOAN	Russian
6	ZABRODIN PETR	MRM	05	1	13		82	KHOAN	Russian
7	SHATIN DMITRII	MRM	08	1	7		90	KHOAN	Russian
8	PIMAKIN OLEG	MRM	04	1	7		112	KHOAN	Russian
9	VORONIN MIKHAIL	MRM	02	1	15		85	KHOAN	Russian
10	ALIBEKOV SAIDKULU	MRM	11	1	9		85	KHOAN	Russian
11	KIMAKOVSKII STANISLAV	MRM	12-13	2	10		92	KHOAN	Russian
12	NGUYEN THANH BINH	MRM	15	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN DINH CUONG	MRM	14	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
14	TRAN TRUNG THANH	MRM	16	1	5		63	KHOAN	Vietnamese
15	SELYVANOV	MRM	09	1	5		90	KHOAN	Russian
16	BACH ANH TUAN	TTC3	25-26	2	12		62	KH-THAC	Vietnamese
17	LE DAI THANH	TTC3	30	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
18	TRAN TRONG HIEU	TTC3	29	1	3		56	KH-THAC	Vietnamese
19	TO TIEN DUNG	TTC3	27-28	2	5	35	80	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN THANH SU	TTC3	24	1	3		70	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	MRM	15	16	117	1.326	0	15		
2	TTC3	5	7	28	328	35	5		
<b>TOTAL</b>		<b>20</b>	<b>23</b>	<b>145</b>	<b>1.654</b>	<b>35</b>	<b>20</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>145</b>	<b>1.654</b>	<b>35</b>			

GRAND TOTAL: 1.834 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 17/01/2018	TO: AMD - CLO - BK16	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:35
FLIGHT: 7	FROM: VT	CREW: Hoi - DUONG - N Nam	ETA: 11:15
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	CAO DUC CUONG	AMD	16	1	4	20	68	KH-THAC	Vietnamese
2	MOHIT RANJAN	AMD	15	1	11		78	KH-THAC	Singapore
3	BUI XUAN TAO	AMD	02	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
4	NG. TRAN DUC MINH	AMD	13	1	12		80	KH-THAC	Vietnamese
5	TRINH VAN PHA	AMD					62	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN VAN DINH	AMD	08	1	6		68	KH-THAC	Vietnamese
7	PHAM THANH HUNG	AMD	06-07	2	10		58	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN VAN TAN	AMD	14	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
9	VU MANH HA	AMD	09	1	7		88	KH-THAC	Vietnamese
10	TRAN DINH HIEU	AMD	11	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN VAN HUNG	AMD					75	KH-THAC	Vietnamese
12	DAO DUC HUY	AMD	04	1	8		65	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN DUC HAU	AMD	18	1	6		66	KH-THAC	Vietnamese
14	BUI VAN HUONG	AMD	19-20	2	9		70	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN VAN DAN	AMD	10	1	8		61	KH-THAC	Vietnamese
16	PHAM ANH NGU	AMD	05	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
17	DOAN VAN DUNG	AMD	03	1	5		79	KH-THAC	Vietnamese
18	HOANG HO NGHIA	AMD	12	1	8		68	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN NGOC THU	AMD	17	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN XUAN THUY	CLO	73-74	2	18	40	50	XAYLAP	Vietnamese
21	DUONG MINH HOANG	CLO	75	1	12		66	XAYLAP	Vietnamese
22	HOANG HUU THU	CLO	72	1	7		73	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	19	19	122	1.332	20	15		
2	CLO	3	4	37	189	40	1		
3	BK16	0	0	0	0	40	6		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>23</b>	<b>159</b>	<b>1.521</b>	<b>100</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>159</b>	<b>1.521</b>	<b>100</b>			

GRAND TOAL: 1.780 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 17-Jan-18	TO: AMD - VSP01 - CTK3	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:40
FLIGHT: 8	FROM: VT	CREW: ĐTuấn - MMinh - THỤ	ETA: 11:20
TRANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VÔ XUÂN HÀ	AMD					67	KH-THAC	Vietnamese
2	HOÀNG VĂN GIANG	AMD	05	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
3	PHẠM VĂN LAM	AMD	07	1	9		72	KH-THAC	Vietnamese
4	LÊ THANH TÂN	AMD	01	1	10		60	KH-THAC	Vietnamese
5	CHU ĐỨC CHI	AMD	03-04	2	13		68	KH-THAC	Vietnamese
6	PHAN THANH NGOAN	AMD	08-09	2	10		87	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN CAO TUẤN	AMD	02	1	10	15	70	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ NGỌC ANH	AMD	06	1	6	65	74	KH-THAC	Vietnamese
9	BUI NGUYỄN QUANG	VSP01	27-28	2	15		70	KH-THAC	Vietnamese
10	DOÀN VIỆT ĐĂNG	VSP01	29	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN ANH TUẤN	VSP01					67	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN XUÂN TOÀN	VSP01	25	1	4		76	KH-THAC	Vietnamese
13	PHẠM VĂN TRƯỜNG	VSP01	23	1	3		60	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN THUY	VSP01	21	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN QUỐC TUẤN	VSP01	22	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN BẠC HÀ	VSP01	30-31	2	10		70	KH-THAC	Vietnamese
17	LÊ NGỌC ANH	VSP01	20	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
18	LÊ HỒNG ĐỨC	VSP01	26	1	5		72	CODIEN	Vietnamese
19	HOÀNG MINH SƠN	VSP01	24	1	14		70	ANTOAN	Vietnamese
20	NGUYỄN DINH HAI	CTK3	21	1	5		70	D-HANH	Vietnamese
21	NGUYỄN ANH TUẤN	CTK3	18	1	3	40	86	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN TRỌNG HIỆN	CTK3	17	1	3		67	KH-THAC	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	8	9	63	563	80	4		
2	VSP01	11	12	74	754	0	14		
3	CTK3	3	3	6+5	223	40	4		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>23</b>	<b>148</b>	<b>1.540</b>	<b>120</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>148</b>	<b>1.540</b>	<b>120</b>			

GRAND TOAL: 1.808 KGS

VSP REP.  
*[Signature]*

VNH REP.  
*[Signature]*

CAPTAIN  
*[Signature]*



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 17-Jan-18	TO: AMD - P8 - TTC2	AIRCRAFT: 846	ETD: 11:30
FLIGHT: 9	FROM: VT	CREW: Vận - MTHAO - Năm - Vũ	ETA: 13:10
XANH-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐỖ ANH TUẤN	AMD	32	1	7		63	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN QUANG LINH	AMD	33-34	2	10		67	KH-THAC	Vietnamese
3	VO ANH HOANG	AMD	28-30	3	17		65	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN XUAN DUNG	AMD	22-23	2	12	40	80	KH-THAC	Vietnamese
5	LE TRUNG HOA	AMD	20-21	2	16		65	KH-THAC	Vietnamese
6	THAI QUAN	AMD	15	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
7	DUONG MANH PHU	AMD	16	1	6		75	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐÀO QUANG THIET	AMD	24-25	2	10		68	KH-THAC	Vietnamese
9	PHUNG MINH HAI	AMD	18-19	2	10		70	KH-THAC	Vietnamese
10	LE DUC HUNG	AMD	31	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
11	LE ANH HAO	AMD	26-27	2	15		55	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN QUOC THINH	AMD	17	1	5		65	PSV	Vietnamese
13	NGUYEN THANH TAM	P8	56-57	2	15		65	YTE	Vietnamese
14	SAMOILOV V. A.	P8	55	1	7		80	KH-THAC	Russian
15	HUYNH CHANH PHAT	P8	62	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
16	LE QUANG HIEN	P8					72	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN QUỐC VIỆT	P8	60	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN VIET KHA	P8	61	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
19	LUONG VAN QUYET	P8	63	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
20	PHAN ANH ĐỨC	P8	59	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
21	CAO ĐANG VIEN	P8	58	1	6		77	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN VAN HUYNH	TTC2	02	1	5	20	75	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	12	20	118	803	40	6		
2	P8	9	9	55	631	0	9		
3	TTC2	1	1	5	75	20	7		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>30</b>	<b>178</b>	<b>1.509</b>	<b>60</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>178</b>	<b>1.509</b>	<b>60</b>			

GRAND TOAL: 1.747 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 17/01/2018	TO: P6 - P8 - P11	AIRCRAFT: 427	ETD: 11:35
FLIGHT: 10	FROM: VT	CREW: Hồi - Linh - Nnam	ETA: 13:15
NAU-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI MANH CUONG	P6	24	1	4		64	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐANG LONG HAI	P6	26	1	4		90	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐO CÔNG MINH	P6	29	1	4	51	70	GETRACO	Vietnamese
4	NGUYEN VAN PHU	P6	25	1	3		75	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN VĂN VIỆT A	P6	27	1	10		65	GETRACO	Vietnamese
6	PHẠM HỮU MINH	P6	33	1	13		55	GETRACO	Vietnamese
7	NGUYEN NGOC SON	P6	28	1	2		75	GETRACO	Vietnamese
8	LÊ VĂN TÂN	P8	95	1	2		65	KH-THAC	Vietnamese
9	OVCHARENKO	P8	94	1	6		88	KH-THAC	Russian
10	NGUYEN HUU DUNG	P8	37	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN TIEN DUNG	P8	99	1	3		72	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN ĐỨC HÙNG	P8	93	1	4		55	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN THANH HOANG	P8	38	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN GIA KHÁNH	P8	898	1	8		68	KH-THAC	Vietnamese
15	LÊ HUY MẠNH	P8	98	1	4		85	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN TRỌNG TIẾN	P8	97	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN XUAN HAI	P8	43	1	5		61	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN VAN QUANG	P8	40	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
19	TRẦN THIÊN PHƯỚC	P8	96	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
20	HUYNH BA NINH	P8	39	1	8		59	KH-THAC	Vietnamese
21	TRẦN ĐÌNH THĂNG	P8	91-92	2	14		68	XAYLAP	Vietnamese
22	NGUYEN MANH KHOAN	P8	41-42	2	9		55	NIPI	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P6	7	7	40	494	51	6		
2	P8	15	17	90	1.014	0	13		
3	P11	0	0	0	0	7	3		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>24</b>	<b>130</b>	<b>1.508</b>	<b>58</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>130</b>	<b>1.508</b>	<b>58</b>			

GRAND TOAL: 1.696 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN